

VÀI LƯU NIỆM TRONG QUAN HỆ KINH TẾ - HÔN NHÂN VIỆT LÀO THẾ KỶ XVI-XVII

TRẦN BÁ CHÍ

Đại học KHXH và Nhân văn - ĐHQGHN

1. HAI NƯỚC NÚI LIỀN NÚI SÔNG LIỀN SÔNG

Hai quốc gia Lạn Xạng và Đại Việt đã gắn bó với nhau từ thời xa xưa. Tình cảm đó vốn bắt nguồn từ sự gần gũi "núi liền núi, sông liền sông".

Sông Đà có nhiều nhánh thông sang đất Lào. Sông Chu len lỏi qua đất Thanh giao lưu sản vật lên phố Sầm Nưa. Từng đoàn ô tô theo quốc lộ 7 và nhiều thuyền ghe dọc sông Lam đưa, cá, muối, kim khí, mỹ nghệ lên đến Mường Xén, Xiêng Khoảng. Hàng hóa hai nước có ở Hà Nội, Viêng Chăn.

Dãy núi Trường Sơn như giảng màn dọc biên giới Việt - Lào, hướng ra Thái Bình Dương như để điều hòa cái nóng của gió Lào với cái mát của biển Đông lặng gió. Từ lâu đời, hai dân tộc Việt - Lào từng san sẻ với nhau cái nóng, cái mát, cái cay đắng, cái ngọt bùi.

Nhà địa lý cổ Trương Phong Khê đã viết: "Các sông của Việt Nam thì sông Nhị Hà và sông Tiền Giang là lớn. Nguồn hai sông ấy đi ra từ xứ Khả Bạt thuộc nước Thồ Phồn, rồi hợp với sông Lan Thương, chảy đến tỉnh Vân Nam thì chia làm hai dòng: một dòng chảy phía đông vào tỉnh Hưng Hóa của nước ta tạo nên sông Đà chảy xuống ngã ba Bạch Hạc, dòng chính của nó là sông Hồng (Nhị Hà) chảy đến cửa Ba Lạt ra biển; một dòng chảy phía tây nam qua nước Nam Chường, nước Ai Lao làm thành sông Cửu Long (còn gọi Khung Giang hay Mê Kông) rồi chảy ra biển tạo thành sông Tiền Giang". Hai con sông hùng vĩ ấy là biểu tượng đẹp đẽ của mối quan hệ hữu nghị Việt Lào như chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã nói:

"Việt - Lào hai nước chúng ta,
Tình sâu như nước Hồng Hà, Cửu Long".

2. TỪ TÌNH LÂN BANG ĐẾN NGHĨA CHA CON

Vào thế kỷ XVI, nước Lào đang lo củng cố nền độc lập thống nhất, vì sự thống nhất của Lào đã được xác lập từ thế kỷ XIV do công lao to lớn của vua Pha Ngừm, nhưng thực tế thì sự quản lý các châu mường chưa được vững chắc. Trên danh nghĩa thì vua là người chủ tối cao, nắm tất cả các quyền hành về đất đai, kinh tế xã hội của đất nước, nhưng thực tế thì các vương quốc nhỏ trong quốc gia Lạn Xạng vẫn giữ quyền thế tập và giữ tính độc lập tương đối. Với một cơ chế chính trị như vậy, kinh tế lại còn yếu kém, đòi hỏi Lào phải giao lưu chặt chẽ với các lân bang, trước hết là tranh thủ sự giúp đỡ của Đại Việt bên cạnh, mới đưa được nước nhà đến an khang thịnh vượng.

Ở nước Đại Việt vào thời này cũng xảy ra cuộc nội chiến thâm trầm: giữa một bên là họ Trịnh

phò Lê với một bên là họ Mạc tranh quyền. Đứng trước thực trạng này, phía Việt và phía Lào đều có nhận thức phải nương tựa vào nhau, phải thực sự giúp đỡ nhau, phải quan hệ với nhau thực tình cởi mở, tin cậy.

Ngày 11 tháng 5 năm Đinh Hợi (1527) Mạc Đăng Dung bắt ép vua Lê nhường ngôi, rồi tự xưng là hoàng đế, sau đó gần ba năm thì cuộc nội chiến bắt đầu. Một vài trận đều do Lê Ý là cháu vua Lê đem quân đến Tây Đô chống Mạc, nhưng đều bị quân Mạc đánh bại. Bấy giờ may có Nguyễn Kim ôm ấp một quyết tâm lớn "*phò Lê diệt Mạc*" đã lặn lội sang đất Lào thuyết phục vua Lào cứu trợ nhà Lê.

Sau nhiều cuộc tiếp xúc, trăn trối về quốc nạn, Nguyễn Kim được vua Lào hứa giúp đỡ. Vua Lào bấy giờ là Sạ Đầu tuổi còn ít, việc lớn phải hỏi ý triều thần. Sạ Đầu nói "*Nước ta với Đại Việt có quan hệ như môi với răng, khi lâm nạn phải nên che chở lẫn nhau*". Các triều thần đều nghe theo. Hồi vua Lào dành cho Nguyễn Kim khu đất Sầm Châu [1] gần phía tây Thanh Hóa để làm căn cứ xây dựng lực lượng. Nhờ thế từ năm 1533 ngôi báu họ Lê lại được khôi phục, vua Trang Tông giành lại được quyền, thái sư Nguyễn Kim mới dần dần đánh thắng quân Mạc.

Đòng họ Lê được phục hưng để nghiệp từ đời Trang Tông (1533), trải qua Trung Tông (1549), đến Anh Tông (từ năm 1557)... Ngọc phả đã ghi qua nhiều trang, nhưng tìm cảm giữa Việt với Lào vẫn còn nồng hậu. Năm Giáp Tý (1564) vua Sạ Đầu cử sứ đoàn sang Đại Việt dâng các đặc sản và ngỏ lời xin đặt quan hệ hôn nhân. Tàng phẩm Lào đưa sang gồm 4 con voi đực và một số đặc sản quý. Còn ý muốn cầu hôn, dần dần cũng được vua Anh Tông ưng thuận. Vì vua nghĩ rằng:

- Công lao Sạ Đầu với việc phục hưng triều Lê là lớn;
- Xưa vua Trang Tông đã mang ơn, nay Anh Tông nên đền ơn;
- Và chẳng thế lực Mạc còn mạnh, phải giữ được tình cảm Lào ...

Thế rồi Anh Tông đưa con gái là công chúa Ngọc Hoa [2] gả cho Sạ Đầu. Lễ cưới được cử hành tại Tây Đô vào mùa đông Tân Mùi (1571) Sạ Đầu dâng lễ cưới bằng 4 con voi đực dài ngà và nhiều bảo vật [2]. Tùy tùng theo vua là các thân nhân, đại thần, tướng lĩnh và một số binh sĩ. Nghi thức lễ nghinh hôn rất long trọng vì có lễ *vinh phong Phò mã* cho Sạ Đầu. Công chúa Ngọc Hoa đội hậu miện, đi guốc ngà, cưỡi lầu voi đi sang cung điện Lào. Dọc đường có quân sĩ giống trống gô công, múa hát cho người đi đường quên mệt mỏi ... Tục ngữ có câu "thông một nhà gia cả họ" nhưng cuộc tình duyên này đã kết tình thông gia giữa hai nước.

Mối tình chần gối giữa Ngọc Hoa và với Sạ Đầu mới êm ấm được vài năm thì vua Anh Tông mất, truyền ngôi lại cho con trai là Lê Đàm, xưng hiệu Thế Tông. Từ đó quan hệ Việt - Lào vẫn được đậm thắm vì Sạ Đầu với Lê Thế Tông vẫn là tình anh rể với em vợ. Cứ khoảng vài năm, Ngọc Hoa lại về nước dâng hương ở lăng tẩm, thái miếu một lần ...

3. TỪ MIẾNG TRẦU CÁNH PHƯỢNG ĐẾN CHIẾC ĐIỀU CÀY

Lào - Việt là hai nước núi liền núi sông liền sông, nên ngày càng hiểu biết nhau và có những mặt đã giao lưu, bổ sung cho nhau trong quá trình tồn tại phát triển. Đặc biệt vào thế kỷ XVII nhà nước Lan Xang vững mạnh, ổn định hơn, kinh tế Lào cũng phát triển đa dạng. Trong nước đã xuất hiện một số trung tâm thương mại đáng kể, như trung tâm Mường Khúc xuất khẩu vàng

sang Xiêm, Luông Pha Bang đã giao lưu hàng hóa với nhiều nước, trước hết với Đại Việt.

Ở Đại Việt vào thế kỷ XVII, cuộc nội chiến Trịnh - Mạc đã thanh toán, triều đình Lê đã hồi cư Thăng Long, nên việc giao lưu hàng hóa với Lào càng có điều kiện phát triển mạnh. Nguồn hàng hóa mà Đại Việt cung ứng cho nhân dân Lào phần nhiều là hải sản, vì đất nước Lào không có biển. Nhân dân Lào hàng năm đã tiêu thụ nhiều cá khô và muối do các làng biển nước ta chuyển lên, qua các thương nhân tự do ở khắp các nẻo đường rừng. Ngoài việc mua bán trao đổi sản vật, có khi còn truyền thụ cho nhau về kỹ thuật chế tác nông cụ, về tập tục ăn trâu, tục hút thuốc v.v..

Lào là nước có đất cao đất tốt, cây cau cây trầu chẳng thiếu gì, nhưng tục ăn trâu do người Việt truyền sang. Tục ăn trâu của người Việt có rất sớm. Theo *Việt điện u linh*, *Linh nam chí* *quái* thì ở thời đại Hùng Vương, người Lạc Việt đã biết ăn trâu, dần dần phổ biến trong giao tiếp trong tế lễ. Từ vua chúa, khanh sĩ đến thứ dân đều thích ăn trâu, coi "*miếng trâu là đầu câu chuyện*". Vua Lê Đại Hành thế kỷ X tiếp sứ Tống cũng luôn luôn mở hội mời sứ ăn trâu. Câu quan họ xứ Bắc có ca rằng:

"Đôi ta bưng lấy coi trầu,
trước mời bầu bạn, sau hầu quan viên".

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng quý miếng trầu:

"Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi.
Này của Xuân Hương đã quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thăm lại ..."

Người ta trân trọng miếng trầu như thế, rồi người các nước láng giềng cũng trân trọng theo. Vì điều kiện đất Lào đất Việt đều ở nhiệt đới, bên nước nào cũng có nhiều cau nhiều trầu.

Thờ nường Lào để sinh sôi cây cau cây trầu, nhưng tục ăn trâu ở người Lào có muộn. Ngược lại ở Đại Việt, đất trồng thuốc cũng không thiếu, thế nhưng tục hút thuốc và cách trồng cây thuốc thì mãi thế kỷ XVII mới được người Lào truyền sang cho. Cho nên từ thế kỷ XVII đến nay trên thị trường Việt Nam mới có món *thuốc Lào*.

"Đôi ta tình nghiã kết giao,
khi chia thuốc, khi giao miếng trầu."

Từ khi được người Lào truyền cho giống thuốc và cách hút thuốc, người nước ta đua nhau hút, đua nhau trồng, không mấy ai không nghiện. Ông thợ cày lại cắt ống tre tạo ra chiếc điếu đeo bên mình, để ra đồng thì hút vào lúc nghỉ việc, cho nên gọi là điếu cày. Có lúc ông bực mình vì việc hút tốn nhiều thời gian, đã chôn điếu cày xuống vạt đất để quên hút; nhưng rồi cơn nghiện nổi lên, ông lại moi đất kéo điếu ra bật diêm nhả khói. Cho nên thiên hạ có câu:

"Nhớ ai như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên".

Về sự kiện này, nhà bác học Lê Quý Đôn đã ghi lại rằng:

"*Thuốc lá thì hít hơi khói vào, hay nuốt thuốc vào cũng đều say. Xét ở nước Nam ta vốn xưa không có thứ thuốc ấy. Từ năm Canh Tý hiệu Vĩnh Thọ (1660) đời vua Thần Tông nhà Lê, người nước Ai Lao đem giống cây thuốc ấy vào, dân ta mới đem trồng. Từ quan đến dân, dân bà, con gái đều đua nhau hút, đến nỗi có người nói rằng: nhịn cơm ba ngày thì được, chứ nhịn hút một lúc thì không được*". [3].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Việt sử thông giám cương mục, tập XIV. NXB Văn sử địa, Hà Nội, 1959, trang 19 - 20.
2. Đại Việt sử ký toàn thư. Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1973, trang 127, 129, 130, 160.
3. Lê Quý Đôn - Văn đài loại ngữ. NXB Văn hóa, Hà Nội, 1962, tập II, trang 150, 159.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n°4, 1995

ECONOMIC AND CULTURAL RELATIONSHIPS BETWEEN VIETNAM AND LAOS DURING THE 16 - 17th CENTURIES

TRAN BA CHI

College of Social Sciences and the Humanities - VNU

Vietnam and Laos are neighbouring countries which are linked by similar geographical conditions. They share the same river and the same mountains. Accordingly, the economic relations between the two countries have been developed very early in history. For instance, some necessity for the Lao's daily life like dry fish and salt have been provided by the Viet with horses or boat transportation.

In the 16th century, the King of Le dynasty was dethroned by Mac family Lao's King Sa Dau allowed Viet's King to use his territory to build up base for fighting back Mac family. For that reason, Le's King offered the Princess Ngoc Hoa to Sa Dau. The friendship between the two countries were more strongly and deeply intensified.

Regarding to culture, the Lao and Viet have a specific bilateral relation. For instance, the Viet learned the way of planting and smoking tobacco from the Lao and that is why the Viet calls tobacco "thuoc lao" (tobacco from Lao).